TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS-ST
Ngày 27/12/2019
"*Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Tỉnh.

2. Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2019/TLST-DS ngày 23/9/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Đ, Gia Lai. Có mặt.

* Bị đơn: Ông Lê Hồng M, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn là ông H trình bày: Vào năm 2016 ông Lê Hồng M có mua của ông 05 con bò và mượn tiền tổng cộng là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Sau đó ông M có trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Tiếp đó ông M nhờ ông H mượn dùm 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để đáo hạn Ngân hàng. Đến ngày 05/12/2018 vợ chồng ông M mới xuống nhà ông H tính toán số nợ còn lại cộng với lãi suất Ngân hàng 1% thành 116.200.000đ (Một trăm mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Vợ chồng ông M hẹn đúng ngày 15/12/2018 sẽ trả đủ số nợ cho ông H.Tuy nhiên đến hạn trả tiền vợ chồng ông M đã không trả tiền nợ như đã thỏa thuận. Ông H đã nhiều lần đến đòi nợ nhưng vợ chồng ông M tránh né chứ

không có thiện chí trả nợ. Vì vậy ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Hồng M và bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông H toàn bộ số tiền nợ gốc là 116.200.000đ (Một trăm mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng), không yêu cầu về tiền lãi.

Tại phiên hòa giải ngày 31/10/2019 giữa ông H và ông Lê Hồng M đã chốt lại khoản nợ là 87.900.000đ (Tám mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng) nên tại phiên tòa hôm nay ông H yêu cầu vợ chồng ông Lê Hồng M phải trả dứt điểm cho ông số tiền 87.900.000đ (Tám mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng) tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra ông H không còn có yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đồng bị đơn là ông Lê Hồng M có lời khai tại bản tự khai ngày 03/10/2019 như sau: Trong thời gian năm 2018 ông có mua bán bò chung với ông H. Tuy nhiên do giá bò sụt giảm nên ông đồng ý thối tiền lại 05 con bò cho ông H với giá tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng). Do chưa có tiền trả liền nên ông đã trả dần cho ông H 04 lần: lần 1 trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); lần 2: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); lần 3: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và lần 4: 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Tổng cộng là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng). Như vậy ông đã trả cho ông H xong số nợ trên cả tiền lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 08/10/2019 ông M trình bày: Ông thừa nhận có viết giấy mượn tiền ngày 05/12/2018 với số tiền 116.200.000đ (Một trăm mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Tuy nhiên ông đã trả xong số tiền này cho ông H, cụ thể: lần 1: 10.000.000đ (Mười triệu đồng); lần 2: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); lần 3: 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) và lần 4: 50.000.000đ (Mười triệu đồng). Tổng cộng là 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Ông đã trả tiền mặt trực tiếp cho ông H, chỉ có lần thứ 3 là ông chuyển qua tài khoản cho ông H. Vì là chỗ anh em nên khi trả không viết giấy tờ gì. Vì vậy ông không đồng ý trả tiền như yêu cầu của ông H. Còn ông H cho rằng số tiền mà ông M đưa cho ông là số tiền ông M nhờ ông trả cho người khác vì ông đứng ra vay giúp cho ông M. Sau khi tính toán lại đến ngày 05/12/2018 vợ chồng ông M còn nợ lại ông H số tiền 116.200.000đ (Một trăm mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) như trong giấy nhận nợ.

Tại phiên hòa giải ngày 31/10/2019 ông Lê Hồng M xuất trình chứng cứ ngày 19/12/2018 đã nhờ ông Lê Hữu H chuyển khoản cho Hồ Thị Mỹ K là con gái ông H số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) qua Agribank chi nhánh Đ Đông Gia Lai. Giữa ông H và ông Lê Hồng M đã chốt lại khoản nợ là 87.900.000đ (Tám mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng). Ông Lê Hồng M yêu cầu được trả dần khoản tiền

trên trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày hòa giải và cho rằng bà Nguyễn Thị T vợ ông không liên quan gì đến vụ án này. Ông H không đồng ý.

3. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/10/2019 và ngày 31/10/2019 các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: 01 (một) Đơn khởi kiện ngày 23/9/2019 của ông H; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của ông H (bản sao); 01 (một) Sổ hộ khẩu (bản sao); 01 (một) Giấy mượn tiền ngày 05/12/2018 (bản gốc); 01 giấy không tiêu đề có nội dung mượn và hứa trả tiền ngày 15/02 âm lịch; 02 (Hai) Bản tự khai ngày 23/9/2019 và 31/10/2019 của ông H; Bị đơn Lê Hồng M cung cấp 01 giấy phép lái xe tên Lê Hồng M; 02 bản tự khai ngày 03/10/2019 và 08/10/2019; 01 Giấy nộp tiền tại Agribank ngày 19/12/2018; Bị đơn Nguyễn Thị T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Hồng M và bà Nguyễn Thị T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn T, xã T, huyện Đ, Gia Lai nên ông H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc ông Lê Hồng M và bà Nguyễn Thị T phải trả toàn bộ khoản tiền nợ đã vay. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bà Nguyễn Thị T và ông Lê Hồng M không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do đó Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 173; Điều 175; Điều 177; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Xét về nội dung vụ án:

Qua lời khai của nguyên đơn là ông H và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện: Ngày 05/12/2018 ông Lê Hồng M và bà Nguyễn Thị T có mượn tiền của ông H số tiền 116.200.000đ (Một trăm mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) như trong giấy nhận nợ do ông H cung cấp, có cả chữ ký của ông M và bà T.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập bị đơn đến làm việc về khoản tiền nợ nhưng bị đơn Nguyễn Thị T vắng mặt, không có lời khai trong hồ sơ vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến gì. Bị đơn Lê Hồng M đã cung cấp 01 (Một) Giấy nộp tiền ngày 19/12/2018 đã nhờ ông Lê Hữu H chuyển khoản cho Hồ Thị Mỹ K là con gái ông H số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) qua Agribank chi nhánh Đ Đông Gia Lai. Ông H cũng thừa nhận đã nhận được số tiền trên. Ngoài ra ông M không còn đưa ra được chứng cứ nào khác thể hiện cho việc trả nợ số tiền 116.200.000đ (Một trăm mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) cho ông H.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông Lê Hồng M và bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 87.900.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 05/12/2018 do bị đơn viết là có cơ sở để chấp nhận.

Xét việc vay mượn tiền giữa ông H và ông Lê Hồng M, bà Nguyễn Thị T là hợp đồng vay tài sản, có thỏa thuận thời hạn trả tiền vay. Ông Lê Hồng M cho rằng bà Nguyễn Thị T không có liên quan là không có cơ sở vì trong Giấy mượn tiền ngày 05/12/2018 có cả chữ ký của ông M và bà T. Tuy nhiên đến hạn trả nợ ông Lê Hồng M và bà Nguyễn Thị T đã không thực hiện như đã thỏa thuận, nên ông H có đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết để buộc ông M, bà T phải trả số tiền nợ vay theo quy định tại Điều 463 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Về tiền lãi: Tại Giấy mượn tiền đề ngày 05/12/2018 các bên không đề cập đến lãi suất và tại phiên tòa phía nguyên đơn cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời hạn trả nợ: Ông Lê Hồng M và bà Nguyễn Thị T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận trong các hợp đồng vay tài sản, nguyên đơn là ông H yêu cầu phía bị đơn có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ một lần là có cơ sở nên cần chấp nhận.

3. Xét về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 173; Điều 175; Điều 177; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự*;* Điều 463; khoản 1 Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Hồng M và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền 87.900.000 đồng (Tám mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Lê Hồng M và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu 4.395.000 đồng (Bốn triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí là 2.905.000 đồng (Hai triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004458 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi họ cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Yến Ngọc